

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Vinh

2. Ông Ngô Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 170/TB-TA ngày 26/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐ-HNGĐ ngày 13/7/2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Lương Thu H, sinh năm 1990

ĐKKHKT: Thôn H, thị trấn K, huyện LG, tỉnh BG.

(Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1987 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn K, huyện LG, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thu H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Ngọc Đ đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã T (nay là UBND thị trấn K), huyện LG, tỉnh BG, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc.

Từ năm 2016 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ cờ bạc, không lo làm ăn. Hiện nay chị và anh Đ vẫn sống cùng nhau nhưng anh Đ

đi làm công nhân khoảng 2,3 tháng mới về nH một lần, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc GK, sinh ngày 10/01/2011. Hiện nay cháu K đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu K với mức 1.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/6/2020 của Tòa án với chính quyền địa phương thì đại diện chính quyền địa phương cho biết: Chị H và anh Đ hiện nay vẫn có khẩu và sinh sống tại địa phương. Chị H làm công nhân gần nH, anh Đ đi làm công nhân tại Bắc Ninh, khoảng 1 đến 2 tuần anh Đ mới về gia đình một lần. Anh Đ ở cùng với bố mẹ nhưng bố mẹ anh Đ cũng đi làm thường xuyên không có mặt ở nH. Anh Đ trước đó có chơi cờ bạc, có nợ một số người. Quá trình chung sống chị H chưa báo với chính quyền địa phương về việc vợ chồng có mâu thuẫn và gia đình cũng không ai báo về việc gia đình vợ chồng anh Đ chị H có mâu thuẫn cần chính quyền địa phương can thiệp. Về việc chị H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, vợ chồng chị H anh Đ có 01 con chung hiện vẫn sinh sống cùng với gia đình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2020 của Tòa án, bà Nguyễn Thị Ngọc là mẹ của anh Đ trình bày: Vợ chồng anh Đ, chị H vẫn sống chung nH với vợ chồng bà. Anh Đ hiện đi làm công nhân tại Bắc Ninh từ tháng 2 năm 2020, khoảng 1 tuần về nH một lần. Anh Đ có nhận được giấy báo và đơn khởi kiện của chị H nộp tại Tòa án. Anh Đ có nói là không bỏ vợ con nên không đến Tòa án làm việc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn và chị H cố tình bỏ thì anh Đ cũng phải chịu. Vợ chồng anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Ngọc GK sinh năm 2011 (đang học lớp 3), bà biết cháu K không muốn bố mẹ ly hôn, bà đề nghị Tòa án không lấy ý kiến của cháu K để cháu yên ổn học tập. Trong quá trình chung sống, anh Đ có chơi cờ bạc thua, gia đình cũng đã trả nợ cho anh Đ tuy nhiên anh Đ chị H cũng không xảy ra cãi nhau vì anh Đ đi làm ăn, bà biết Hng tháng anh Đ vẫn gửi tiền cho chị H. Vợ chồng anh Đ chị H có mâu thuẫn đã được gia đình bà hòa giải nhưng không được. Các giấy báo của Tòa án giao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ gia đình bà đã nhận được và đã

đưa lại cho anh Đ. Nay chị H xin ly hôn thì bà có ý kiến muốn vợ chồng về đoàn tụ, tiếp tục nuôi dưỡng con cái.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2020 của Tòa án dưới sự chứng kiến của chị Lương Thu H, cháu Nguyễn Ngọc GK trình bày: Cháu có biết mẹ cháu làm đơn xin ly hôn, cháu không có ý kiến về việc bố mẹ cháu ly hôn, bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ cháu. Hiện nay bố cháu đi làm, bố cháu một tuần về nH một lần, mẹ cháu đi làm sáng đi tối về nH.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, vắng mặt tại các phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ vợ chồng: Cho chị H được ly hôn anh Đ;
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc GK, sinh ngày 10/01/2011 cho chị Lương Thu H chăm sóc, nuôi dưỡng;
- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu K theo mức 1.000.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.
- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị H thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LG theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiền Hnh xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh Đ kết hôn năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu; đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là UBND thị trấn K), huyện LG, tỉnh BG, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, qua xác minh với gia đình anh Đ và chính quyền địa phương thì thấy cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ chơi cờ bạc, nợ nần. Nay anh Đ đi làm ăn xa, 1 tuần về nH một lần, vợ chồng không còn quan tâm nhau, chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng, bản thân anh Đ không đến Tòa án làm việc. Do đó, có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh Đ.

[3]. Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Ngọc GK, sinh ngày 10/01/2011. Hiện nay cháu K vẫn ở chung với gia đình và được chị H chăm sóc. Xét yêu cầu của chị H đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị nuôi dưỡng, phía anh Đ không có quan điểm gì về nuôi con, hiện nay anh Đ đi làm ăn xa nH, một tuần mới về một lần, chị H thì làm gần nH, sáng đi tối về nên có điều kiện để chăm sóc cháu K hơn. Hơn nữa cháu K có nguyện vọng muốn ở cùng mẹ nên Hội đồng xét xử thấy: để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, cũng như để ổn định, không gây xáo trộn cuộc sống của cháu K nên giao cho chị H được nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo mức 1.000.000 đồng/1 tháng. Xét thấy, cháu K được giao cho chị H nuôi nên cần buộc anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu K với mức 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc đến khi chị H, anh Đ có yêu cầu khác là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Lương Thu H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lương Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc GK, sinh ngày 10/01/2011.

Anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, mức cấp dưỡng 1.000.000đồng/01tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi chị H, anh Đ có yêu cầu khác.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh Đ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Án phí:

- Chị Lương Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002286 ngày 14/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG. Xác nhận chị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi Hnh án dân sự. Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- TAND tỉnh BG;
- UBND thị trấn K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thiêm